

TCVN 7316: 2003

HỆ THỐNG CỖ SỐ GIÀY –
HỆ MONDOPOINT VÀ CÁCH CHUYỂN ĐỔI
SANG CÁC HỆ KHÁC

*Shoe sizing system - Mondopoint system and method for converting
from the Mondopoint system into other systems*

HÀ NỘI – 2003

Hệ thống cỡ số giày - Hệ Mondopoint và cách chuyển đổi sang các hệ khác

Shoe sizing system - Mondopoint system and method for converting from the Mondopoint system into other systems

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này mô tả những đặc tính cơ bản của hệ cỡ số Mondopoint và cách chuyển đổi từ hệ Mondopoint sang hệ Pháp, hệ Anh và hệ Mỹ.

2 Thuật ngữ, định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này, áp dụng các định nghĩa và khái niệm sau:

- 2.1 **Giày (shoes):** được hiểu là tất cả các loại giày, ủng, dép, xăng đan và các loại giày khác.
- 2.2 **Cỡ giày (size of the shoes):** Số đo của bàn chân đầy đủ để cho phép giày vừa khít chân tương ứng với những số đo đó.
- 2.3 **Chiều dài bàn chân (length of the foot):** Khoảng cách nằm ngang giữa hai mặt vuông góc tiếp xúc với đầu ngón chân dài nhất và điểm lồi ra nhất của gót chân được đo lúc đứng (để trọng lượng cơ thể phân bố đều lên hai chân) và mang bít tất thích hợp cho từng loại giày (Xem hình 1).
- 2.4 **Vòng khớp bàn ngón chân (perimeter of the foot):** Chiều dài vòng chu vi của bàn chân, đo bằng thước dây mềm quấn vòng quanh chỗ rộng nhất của bàn chân qua hai điểm khớp bàn ngón chân thứ nhất và thứ năm trong điều kiện giống như đo chiều dài bàn chân.
- 2.5 **Chiều rộng bàn chân (width of the foot):** Khoảng cách nằm ngang giữa đường thẳng đứng tiếp xúc với khớp bàn ngón chân thứ nhất và thứ năm (Xem hình 2) trong điều kiện giống như đo chiều dài bàn chân.
- 2.6 **Bàn chân trung bình (average normal foot):** Bàn chân được xác định từ việc kiểm tra những kết quả thống kê và nghiên cứu cơ thể.

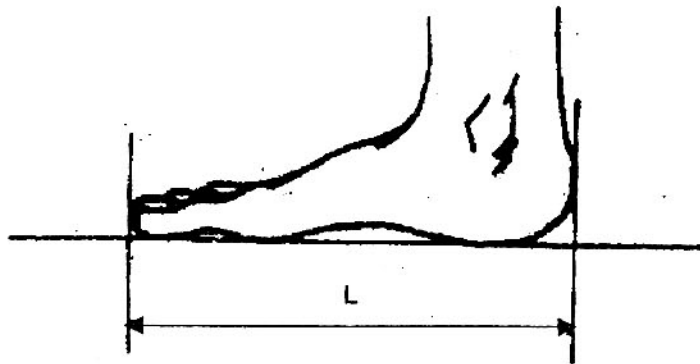
3 Những tính chất cơ bản của hệ Mondopoit

3.1 Hệ đơn vị quốc tế (SI) là hệ duy nhất được sử dụng cho số đo kích thước bàn chân và định cỡ giày.

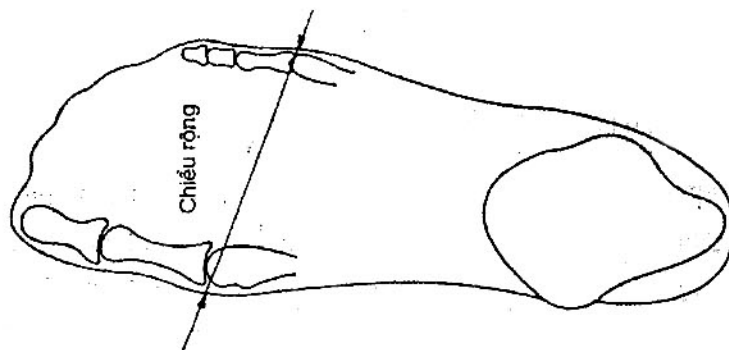
3.2 Hệ Mondopoit phải dựa trên hai kích thước sau:

- a) chiều dài bàn chân (được xác định theo 2.3), và
- b) chiều rộng bàn chân (được xác định theo 2.5).

Chú thích 1 - Ngoài hai kích thước nêu trên, có thể sử dụng chu vi bàn chân ở những giai đoạn khác nhau của quá trình sản xuất giày.



Hình 1 - Chiều dài bàn chân



Hình 2 - Chiều rộng bàn chân

4 Phương pháp xác định cỡ

Việc đánh dấu từng cỡ được xác định bằng việc tham khảo kích thước của bàn chân thông thường trung bình tương ứng.

5 Phương pháp thể hiện số đo kích thước

Số đo tương ứng với chiều dài và chiều rộng của bàn chân phải được thể hiện bằng milimét.

6 Phương pháp đánh dấu

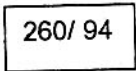
6.1 Những yếu tố để đánh dấu

Khi đánh dấu kích thước phải ghi rõ số chỉ chiều dài và chiều rộng bàn chân, cả hai kích thước được tính bằng milimet (không ghi đơn vị) và tách rời nhau bằng một gạch ngang hoặc gạch xiên.

Chữ số phải cao ít nhất 3 mm, và để tránh lẫn với những chỉ số khác (có thể có), phải tách rời chúng bằng cách dùng đường bao liên tục khép kín hình chữ nhật hoặc hình ovan.

VÍ DỤ

260/ 94



260/ 94



260/ 94

6.2 Vị trí đánh dấu

6.2.1 Trên giày

Cỡ giày phải được ghi trên mỗi chiếc giày tạo thành một đôi, trên chỗ thích hợp để chữ số được nhìn thấy rõ ràng và dễ đọc.

6.2.2 Trên bao bì

Khi giày được xếp vào hộp hoặc vào các loại bao bì khác, cỡ số giày cũng phải ghi trên bao bì này.

6.2.3 Hình thức đánh dấu

Hình thức và phương tiện đánh dấu (dập dấu, tem, dán nhãn, v.v...) do nhà sản xuất quyết định nhưng phải bảo đảm dấu dễ nhìn và bền lâu trên giày.

VN 7316: 2003

Chuyển đổi từ hệ Mondopoint sang các hệ cỡ số khác

Các hệ cỡ số giày hiện đang sử dụng được giới thiệu trong phụ lục A, bao gồm:

Hệ Mondopoint (Hệ quốc tế)

Hệ Pháp

Hệ Anh

Hệ Mỹ

Dựa vào lứa tuổi và giới tính của người sử dụng, giày được phân thành 8 nhóm cỡ số, mỗi nhóm cỡ số được đánh số tương ứng như sau:

- 1) Nhóm 0: Giày trẻ sơ sinh (có chiều dài bàn chân từ 105 mm đến 140 mm).
- 2) Nhóm 1: Giày trẻ em tuổi mẫu giáo (có chiều dài bàn chân từ 145 mm đến 165 mm).
- 3) Nhóm 2: Giày trẻ em tuổi học sinh (có chiều dài bàn chân từ 170 mm đến 190 mm).
- 4) Nhóm 3: Giày trẻ em tuổi học sinh (có chiều dài bàn chân từ 195 mm đến 230 mm).
- 5) Nhóm 4: Giày nữ tuổi học sinh (có chiều dài bàn chân từ 215 mm đến 250 mm).
- 6) Nhóm 5: Giày nữ (có chiều dài bàn chân từ 215 mm đến 285 mm).
- 7) Nhóm 6: Giày nam tuổi học sinh (có chiều dài bàn chân từ 220 mm đến 270 mm).
- 8) Nhóm 7: Giày nam (có chiều dài bàn chân từ 245 mm đến 320 mm).

Việc chuyển đổi giữa các hệ cỡ số được thực hiện theo từ bảng 1 đến bảng 8.

Bảng 1 - Bảng chuyển đổi đối với giày trẻ sơ sinh

Hệ cỡ số	Nhóm cỡ số 0							
Mondopoint	105	110	115	120	125	130	135	140
Anh	$1\frac{1}{2}$	2	$2\frac{1}{2}$	$3\frac{1}{2}$	4	$4\frac{1}{2}$	5	$5\frac{1}{2}$
Pháp	17	18	$18\frac{1}{2}$	$19\frac{1}{2}$	20	21	$21\frac{1}{2}$	22
Mỹ	2	—	3	4	$4\frac{1}{2}$	5	$5\frac{1}{2}$	6

Bảng 2 - Bảng chuyển đổi đối với giày trẻ em tuổi mẫu giáo

Hệ cỡ số	Nhóm cỡ số 1					
Mondopoint	145	—	150	155	160	165
Anh	6	$6\frac{1}{2}$	7	$7\frac{1}{2}$	8	$8\frac{1}{2}$
Pháp	$22\frac{1}{2}$	$23\frac{1}{2}$	24	$24\frac{1}{2}$	25	$25\frac{1}{2}$
Mỹ	$6\frac{1}{2}$	7	$7\frac{1}{2}$	8	$8\frac{1}{2}$	9

Bảng 3 - Bảng chuyển đổi đối với giày trẻ em tuổi học sinh

Hệ cỡ số	Nhóm cỡ số 2					
Mondopoint	170	—	175	180	185	190
Anh	9	$9\frac{1}{2}$	10	$10\frac{1}{2}$	11	$11\frac{1}{2}$
Pháp	26	$26\frac{1}{2}$	27	$27\frac{1}{2}$	28	29
Mỹ	$9\frac{1}{2}$	10	$10\frac{1}{2}$	11	$11\frac{1}{2}$	12

Bảng 4 - Bảng chuyển đổi đối với giày trẻ em tuổi học sinh

Hệ cỡ số	Nhóm cỡ số 3									
	Mondopoint	195	200	—	205	210	215	—	220	225
Anh	12	13	$13\frac{1}{2}$	1	$1\frac{1}{2}$	2	$2\frac{1}{2}$	3	$3\frac{1}{2}$	4
Pháp	30	31	$31\frac{1}{2}$	32	$32\frac{1}{2}$	33	34	$34\frac{1}{2}$	35	36
Mỹ	$12\frac{1}{2}$	$13\frac{1}{2}$	1	$1\frac{1}{2}$	2	$2\frac{1}{2}$	3	$3\frac{1}{2}$	4	$4\frac{1}{2}$

Bảng 5 - Bảng chuyển đổi đối với giày nữ tuổi học sinh

Hệ cỡ số	Nhóm cỡ số 4								
	Mondopoint	215	—	220	225	230	235	240	245
Anh	2	$2\frac{1}{2}$	3	$3\frac{1}{2}$	4	$4\frac{1}{2}$	5	$5\frac{1}{2}$	6
Pháp	33	34	$34\frac{1}{2}$	35	37	—	38	—	39
Mỹ	$2\frac{1}{2}$	3	$3\frac{1}{2}$	4	$4\frac{1}{2}$	5	$5\frac{1}{2}$	6	$6\frac{1}{2}$

Bảng 6 - Bảng chuyển đổi đối với giày nữ

Hệ cỡ số	Nhóm cỡ số 5														
	Mondopoint	215	220	225	230	235	240	245	250	255	260	265	270	275	280
Anh	$2\frac{1}{2}$	3	$3\frac{1}{2}$	4	$4\frac{1}{2}$	5	$5\frac{1}{2}$	6	$6\frac{1}{2}$	7	$7\frac{1}{2}$	8	9	$9\frac{1}{2}$	10
Pháp	35	$35\frac{1}{2}$	36	37	$37\frac{1}{2}$	38	$38\frac{1}{2}$	39	40	$40\frac{1}{2}$	41	42	43	$43\frac{1}{2}$	$44\frac{1}{2}$
Mỹ	$4\frac{1}{2}$	5	$5\frac{1}{2}$	6	$6\frac{1}{2}$	7	$7\frac{1}{2}$	8	$8\frac{1}{2}$	9	$9\frac{1}{2}$	10	11	$11\frac{1}{2}$	12

Bảng 7 - Bảng chuyển đổi đối với giày nam tuổi học sinh

Hệ cỡ số	Nhóm cỡ số 6										
Mondopoint	220	225	230	235	240	245	250	255	260	265	270
Anh	3	$3\frac{1}{2}$	4	$4\frac{1}{2}$	5	$5\frac{1}{2}$	6	$6\frac{1}{2}$	7	$7\frac{1}{2}$	8
Pháp	$34\frac{1}{2}$	35	36	$36\frac{1}{2}$	37	38	39	40	41	—	42
Mỹ	$3\frac{1}{2}$	4	$4\frac{1}{2}$	5	$5\frac{1}{2}$	6	$6\frac{1}{2}$	7	$7\frac{1}{2}$	8	$8\frac{1}{2}$

Bảng 8 - Bảng chuyển đổi đối với giày nam

Hệ cỡ số	Nhóm cỡ số 7																
Mondopoint	245	250	255	260	265	270	275	280	285	290	—	295	—	300	305	310	320
Anh	$5\frac{1}{2}$	6	$6\frac{1}{2}$	7	$7\frac{1}{2}$	8	$8\frac{1}{2}$	9	$9\frac{1}{2}$	10	$10\frac{1}{2}$	11	$11\frac{1}{2}$	12	$12\frac{1}{2}$	13	14
Pháp	—	39	40	$40\frac{1}{2}$	41	42	$42\frac{1}{2}$	43	44	$44\frac{1}{2}$	45	46	$46\frac{1}{2}$	$47\frac{1}{2}$	—	48	49
Mỹ	6	$6\frac{1}{2}$	7	$7\frac{1}{2}$	8	$8\frac{1}{2}$	9	$9\frac{1}{2}$	10	$10\frac{1}{2}$	11	$11\frac{1}{2}$	12	13	—	—	—

Phụ lục A

(tham khảo)

Giới thiệu các hệ cỡ số

A.1 Hệ cỡ số Mondopoint (hệ quốc tế)

Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế ISO đã cố gắng xây dựng một hệ cỡ số thống nhất để sử dụng chung cho tất cả các nước. Hệ Mondopoint được phát triển trên cơ sở hệ mét, nhưng khác biệt ở chỗ chiều dài của giày được định nghĩa là chiều dài của bàn chân đi vừa vặn đôi giày đó. Cỡ số giày được thể hiện bằng hai loại số đo, số đo chiều dài và số đo chiều rộng. Như vậy cách đánh số này vừa thể hiện độ dài vừa thể hiện độ rộng của bàn chân.

A.2 Hệ cỡ số Pháp

Hệ cỡ số này được xây dựng sau khi thực tế cho thấy việc phân chia cỡ số dựa trên khoảng cách 1 cm bộc lộ nhiều thiếu sót. Người ta đã chia 2 cm thành 3 phần bằng nhau (mỗi phần bằng khoảng 6,667mm) và hệ cỡ số cách nhau khoảng 6,667 mm giữa 2 cỡ số liên tiếp được gọi là hệ cỡ số Pháp. Hệ cỡ số Pháp được bắt đầu từ cỡ số 17 (= 11,33 cm) và kết thúc ở cỡ số 49 (= 32,66 cm).

A.3 Hệ cỡ số Anh

Hệ cỡ số này dựa trên những đơn vị đo chiều dài của Anh là Foot và Inch.

$$1 \text{ Foot} = 12 \text{ Inch} = 30,5 \text{ cm}$$

Một Inch (25,4 mm) được chia làm 3 phần bằng nhau (mỗi phần khoảng 8,46 mm) là khoảng cách giữa hai cỡ số liên tiếp. Sau này người ta sử dụng thêm "nửa số" bằng cách thêm vào giữa 2 cỡ số liên tiếp một cỡ số với độ dài chênh lệch là 4,23 mm (= 1/6 Inch). Với cách chia như vậy hệ Anh trở nên hoàn hảo hơn.

Hệ cỡ số Anh bắt đầu từ cỡ số 0 ứng với chiều dài 4 Inch (= 10,16 cm) và sau cỡ số 13 (= $8\frac{1}{3}$ Inch) thì lặp lại cỡ số 1 với độ dài $8\frac{2}{3}$ Inch.

A.4 Hệ cỡ số Mỹ

Hệ cỡ số Mỹ còn được gọi là "Brannock" có giá trị tương tự hệ cỡ số Anh. Điểm khác nhau của hệ cỡ số Mỹ với hệ cỡ số Anh là điểm bắt đầu từ cỡ số 0 ứng với độ dài $3\frac{1}{2}$ Inch = 9,73 cm cho giày nam (được ký hiệu USA - M) và cỡ số 0 ứng với độ dài $3\frac{3}{6}$ Inch = 8,89 cm cho giày nữ (được ký hiệu USA-L). Điều này cho thấy trên bảng cỡ số của hệ cỡ số Mỹ (đối với giày người lớn) có số chỉ thị cỡ giày nữ lớn hơn so với cỡ giày nam có cùng độ dài.
